

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Kim.

2. Bà Hoàng Thị Lá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lô Thị C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lô Thị C trình bày:

Chị Lô Thị C và Nông Văn T được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương vào đầu năm 2012, đến ngày 27/8/2012 hai bên đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng C sống hoà thuận hạnh phúc được ba năm, đến năm 2015 cuộc sống vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông ghi ngờ chị C có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên anh T đánh, đuổi chị C ra khỏi nhà. Ngoài ra anh T còn thường xuyên rượu chè, cờ bạc mỗi lần rượu say lại kiếm cớ đánh chị C. Do không chịu được chị C bỏ nhà đi

từ tháng 7/2018 và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con: Chị Lô Thị C và anh Nông Văn T có 02 con, con lớn Nông Thị T sinh ngày 12/7/2012, con nhỏ Nông T1 sinh ngày 05/11/2013. Khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi con lớn Nông Thị T, anh T được nuôi con nhỏ Nông T1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nông Văn T trình bày:

Về điều kiện kết hôn đúng như chị Lô Thị C trình bày, trước khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán hai bên có được tìm hiểu khoảng 02 tháng và ngày 27/8/2012 hai bên đến Ủy ban nhân dân xã H đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng C sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm, đến đầu năm 2018 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh T đi làm về nghe con bảo mẹ ngủ với một người đàn ông khác nên anh T đã tát chị C 02 cái, chị C bỏ về ngoại, đến hôm sau nhà ngoại đến giải hòa thì vợ chồng lại về ở với nhau. Đến tháng 7/2018 do kinh tế khó khăn chị C xin đi làm công ty và được anh T đồng ý, nhưng từ đó không hiểu lý do gì chị C không quay về nhà nữa. Anh T vẫn còn tình cảm với chị C, anh T mong muốn chị C suy nghĩ lại quay về đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con cái nên anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con, con lớn Nông Thị T sinh ngày 12/7/2012, con nhỏ Nông T1 sinh ngày 05/11/2013. Trường hợp phải ly hôn anh T yêu cầu được nuôi cả 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lô Thị C được ly hôn với anh Nông Văn T. Về con chị Lô Thị C được quyền nuôi con lớn Nông Thị T, anh Nông Văn T được quyền nuôi con nhỏ Nông T1, đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Bản sao Trích lục kết hôn; trích lục khai sinh của con C; biên bản hòa giải bạo lực gia đình ngày 19/7/2016; Biên bản xác minh ngày 12/10/2019.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Lô Thị C và anh Nông Văn T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; chị C và anh T có 02 người con, con lớn Nông Thị T sinh ngày 12/7/2012, con nhỏ Nông T1 sinh ngày 05/11/2013; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, quyền nuôi con, vì vậy quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị C và anh Nông Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 27/8/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình hôn nhân tồn tại thì từ năm 2015 vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, không tôn trọng nhau, nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông nên đánh chị C nhiều lần, ngoài ra anh T còn thường xuyên uống rượu và chửi mắng chị C. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2018, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được bố mẹ, anh em hai bên gia đình và chính quyền địa phương giải quyết nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Chị Lô Thị C và anh Nông Văn T có 02 người con chung, con lớn Nông Thị T sinh ngày 12/7/2012; con nhỏ Nông T1 sinh ngày 05/11/2013, cả hai con hiện đang ở với anh T. Xét thấy, điều kiện nuôi con chị C và anh T là như nhau. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của con chung việc giao con dưới 18 tuổi cho mỗi người nuôi dưỡng một người là phù hợp. Việc để chị C nuôi dưỡng con lớn Nông Thị T, anh T tiếp tục nuôi dưỡng con nhỏ Nông T1 là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị C, không chấp nhận yêu cầu của anh T được nuôi cả 02 người con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lô Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều, 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị C được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về con chung: Chị Lô Thị C và anh Nông Văn T có 02 người con chung, con lớn Nông Thị T sinh ngày 12/7/2012, con nhỏ Nông T1 sinh ngày 05/11/2013.

Sau khi ly hôn chị Lô Thị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con lớn Nông Thị T cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; anh Nông Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con nhỏ Nông T1 cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lô Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Lô Thị C đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000257 ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn